

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam biến động giằng co trước khi mở rộng đà hồi phục về cuối phiên với mức tăng 0.83% của VNINDEX và sự chuyển biến tích cực của thanh khoản

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến chỉ số VN30

[Thông tin doanh nghiệp]

KBC, GVR

[Cập nhật công ty]

QTP

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ các vị thế đã mở và có thể hạ dần tỷ trọng ngắn hạn khi chỉ số tiếp cận vùng cản đã đề cập

02/08/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,241.62	+0.83
VN30	1,265.97	+0.77
HĐTL VN30F1M	1,245.90	+0.12
HNXIndex	295.84	+0.41
HNX30	538.68	+0.16
UPCoM	90.13	+0.24
USD/VND	23,354	-0.02
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.53	+0
Lãi suất qua đêm (%)	4.14	+44
Dầu (WTI, \$)	92.91	-1.04
Vàng (LME, \$)	1,772.15	-0.00



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,241.62 (+0.83%)

KLGD (triệu CP) 817.7 (+27.8%)

GTGD (triệu US\$) 723.1 (+4.3%)

HNXIndex 295.84 (+0.41%)

KLGD (triệu CP) 113.9 (+32.8%)

GTGD (triệu US\$) 84.1 (+29.0%)

UPCoM 90.13 (+0.24%)

KLGD (triệu CP) 55.7 (+15.9%)

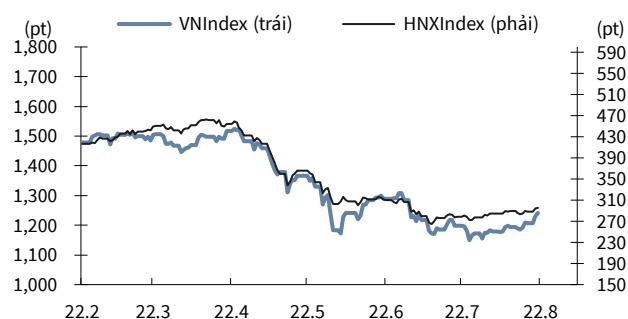
GTGD (triệu US\$) 31.6 (-19.0%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +16.0

TTCK Việt Nam biến động giằng co trước khi mở rộng đà hồi phục về cuối phiên với mức tăng 0.83% của VNINDEX và sự chuyển biến tích cực của thanh khoản. Nhóm vốn hóa lớn (VIC, VHM, VCB) dẫn dắt chỉ số tăng điểm. Khối ngoại giảm giá trị mua ròng, tập trung mua SSI (+1.8%), HPG (+0.4%) và VHM (4.2%).

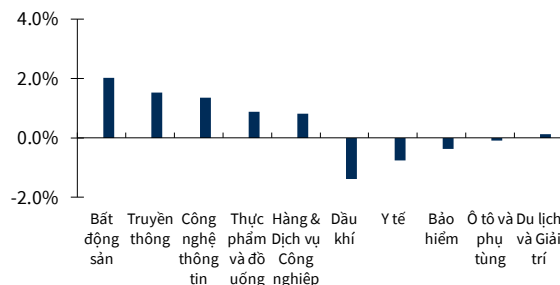
- Bộ Công Thương ban hành quyết định áp dụng biện pháp chống lẩn tránh phòng vệ thương mại đối với một số sản phẩm đường mía nhập khẩu từ Campuchia, Indonexia, Lào, Malaysia và Myanmar với tổng mức thuế là 47.64%, trong đó thuế chống bán phá giá là 42.99% và thuế chống trợ cấp là 4.65%, có hiệu lực đến ngày 15/6/2026. Nhóm cổ phiếu mía đường phản ứng tích cực với thông tin trên, LSS (+4.8%), SBT (+3.3%).
- Theo báo cáo của Cushman & Wakefield, giá bán căn hộ ở TP HCM trong 6 tháng đầu năm dao động từ mức thấp nhất là 1,556 USD/m2 đến cao nhất đạt 15,009 USD/m2 và ghi nhận lượng căn hộ bán ra trong quý II đạt hơn 9,000 căn, gần bằng số lượng bán của cả năm 2021. Cổ phiếu ngành bất động sản tăng ở VHM (+4.8%), NLG (+1.3%).

VNIndex & HNXIndex



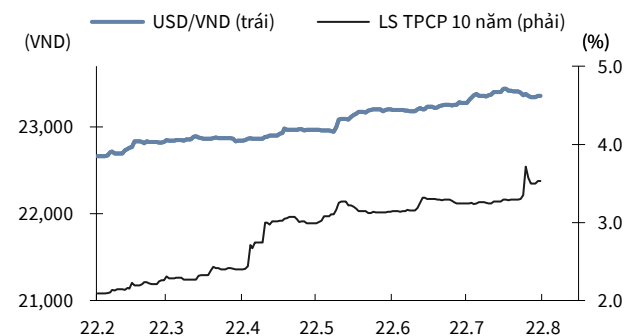
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



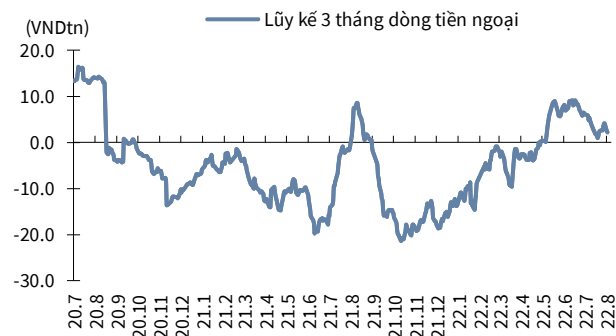
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

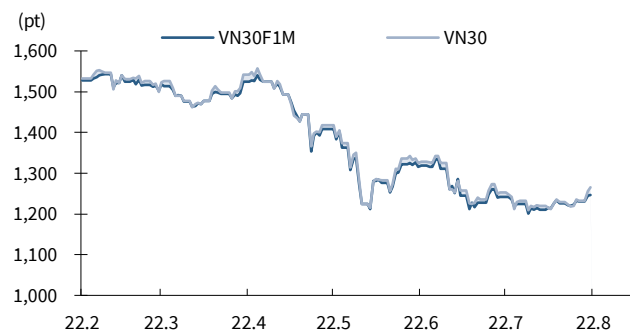
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,265.97 (+0.77%)
VN30F1M	1,245.9 (+0.12%)
Mở cửa	1,244.7
Cao nhất	1,249.4
Thấp nhất	1,238.3

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến chỉ số VN30. Chênh lệch F2208 và chỉ số thị trường cơ sở nới rộng với biên độ âm quanh mức -14.67 điểm và đóng cửa ở mức thấp nhất phiên xuống -20.07 điểm trước tâm lí lo ngại của nhà đầu tư về diễn biến căng thẳng Trung Quốc và Mỹ trong vấn đề Đài Loan. Khối ngoại mua ròng với thanh khoản thị trường giảm.

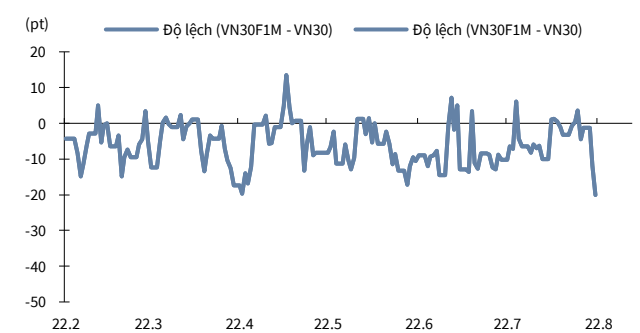
KLGD (HĐ)	186,121 (-8.1%)
------------------	------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



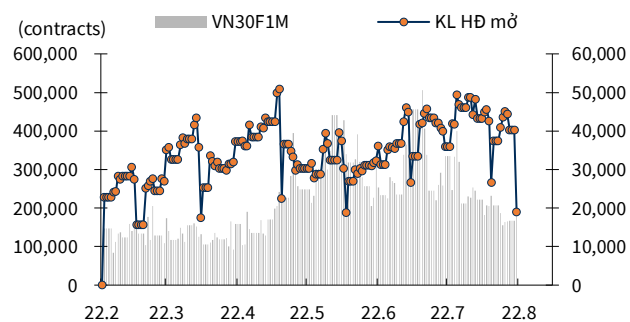
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



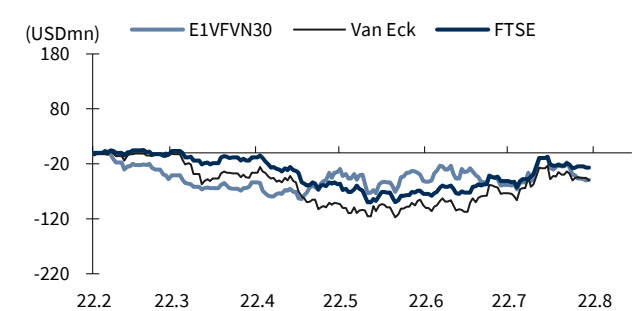
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

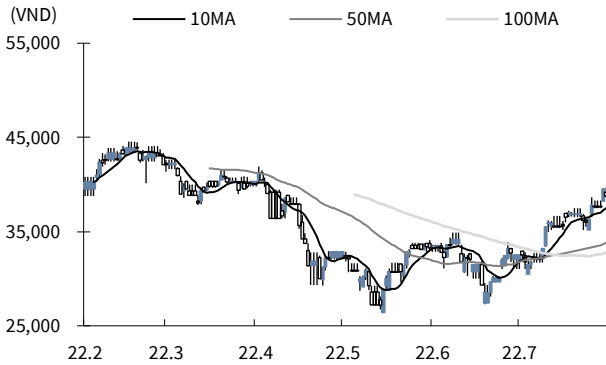
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

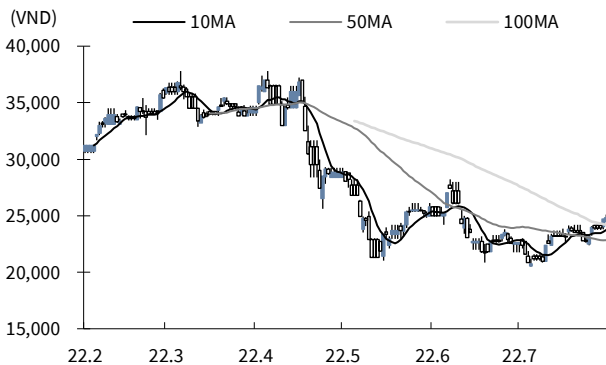
Tổng Công ty Phát triển Đô Thị Kinh Bắc - CTCP (mã)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- KBC giảm 1.9% xuống 38,800 VND/cp
- Đô thị Kinh Bắc vừa công bố báo cáo tài chính quý II với doanh thu thuần 395.3 tỷ đồng, giảm 47.3% YoY, và lãi sau thuế đạt 1,933 tỷ đồng, gấp gần 25 lần cùng kỳ năm ngoái.
- Công ty đã ghi nhận khoản lợi nhuận khác đột biến đạt 1,913 tỷ đồng do chênh lệch giữa phần tài sản thuần của CTCP Đầu tư Sài Gòn Đà Nẵng và giá phí hợp nhất kinh doanh từ giao dịch.

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (GVR)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- GVR tăng 0.40% lên 24,800 VND/cp
- Tập đoàn cao su Việt Nam công bố kết quả kinh doanh quý II với tổng doanh thu 5,573 tỷ đồng, giảm 2% YoY và lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ đạt 1,068 tỷ đồng, tăng 26.3% YoY.
- Lợi nhuận tăng nhờ lãi thanh lý vườn cây cao su và thanh lý tài sản cố định.

CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh (QTP)

Tăng trưởng ổn định cùng cổ tức hấp dẫn

Chuyên viên phân tích – Tiêu Phan Thanh Quang
quangtpt@kbsec.com.vn

01/08/2022

Doanh thu và lợi nhuận sau thuế Quý 2/2022 có diễn biến ngược chiều

Trong Quý 2/2022, Doanh thu của QTP đi ngang so với cùng kỳ, đạt 2,415 tỷ VNĐ (-2.3% YoY). Tuy nhiên với biên lợi nhuận gộp tăng cao, đạt 14.4% so với mức 10.4% của Quý 1/2021 đã đem lại LNST Quý 2/2022 đạt kết quả tích cực, đạt 267.5 tỷ VNĐ (+31.8% YoY). Luỹ kế 1H2022, doanh thu và LNST của QTP đạt lần lượt 5,014 tỷ VNĐ (+18% YoY) và 600 tỷ VNĐ (+93.5% YoY). Biên lợi nhuận gộp 1H2022 tăng cao, đạt mức 15.2% so với mức 10.3% của 1H2021.

Nhiệt điện than sẽ có triển vọng sáng hơn trong năm 2023 khi tình hình thủy văn không còn thuận lợi cho thủy điện

Theo dự báo của các tổ chức khí tượng lớn trên thế giới chỉ ra rằng hiện tượng La Nina sẽ tiếp tục duy trì tới hết năm 2022, đồng nghĩa với việc lượng nước sẽ được đảm bảo cho các nhà máy thủy điện. Tuy nhiên, dự báo cũng chỉ ra rằng kể từ năm 2023, xác suất thời tiết bước vào pha trung tính sẽ tăng lên trên ngưỡng 50%, đồng nghĩa với việc lượng nước về hồ cho các nhà máy thủy điện sẽ giảm bớt so với giai đoạn 2021 – 2022. Cùng với tỷ trọng thủy điện lớn trong cơ cấu nguồn của miền Bắc, chúng tôi cho rằng các nhà máy nhiệt điện, trong đó có QTP sẽ tiếp tục được hưởng lợi nhờ xu hướng này.

Trả hết nợ vay là động lực tăng mức cổ tức lên hấp dẫn hơn

Với việc không còn nợ vay trong giai đoạn tới, chúng tôi cho rằng QTP sẽ giữ mức cổ tức hấp dẫn như hiện nay khi không có kế hoạch mở rộng lớn. QTP đã bắt đầu chia cổ tức từ năm 2020 với tỷ lệ 2% và đã gia tăng dần cổ tức trong các năm qua. Chúng tôi kỳ vọng rằng QTP sẽ tiếp tục duy trì mức cổ tức 16% bằng tiền mặt, tương đương 1,600 VNĐ/cổ phiếu cho 2 năm tới và gia tăng lên 1,800 VNĐ/cổ phiếu từ năm 2024 trở đi nhờ vào dòng tiền kinh doanh mạnh mẽ của mình.

Khuyến nghị MUA với giá mục tiêu 23,000 VNĐ/cổ phiếu

Dựa trên định giá FCF và EV/EBITDA, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu QTP. Giá mục tiêu là 23,000 VNĐ/cổ phiếu, cao hơn 42.9% so với giá tại ngày 29/07/2022.

Mua

Giá mục tiêu

VNĐ 23,000

Upside (%)	42.9%
Giá hiện tại (29/07/2022)	VNĐ16,100
Giá mục tiêu thị trường	VNĐ20,200

Dự phóng KQKD & định giá

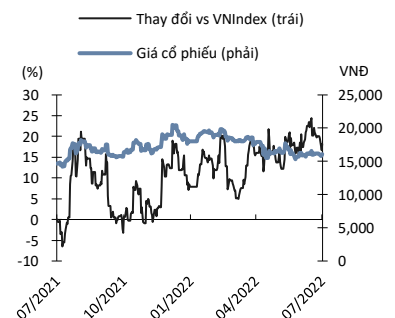
Năm tài chính	2020A	2021A	2022F	2023F
Doanh thu (tỷ VNĐ)	9,182	8,571	9,329	9,703
EBIT	1,729	734	1,000	1,190
LN sau CĐT	1,306	578	907	1,172
EPS (VNĐ)	2,901	1,284	2,016	2,605
Thay đổi EPS (%)	100.5	-55.7	57.0	29.0
P/E (x)	3.5	13.5	11.4	8.8
EV/EBITDA (x)	2.6	5.7	5.9	5.0
P/B (x)	0.8	1.3	1.5	1.3
ROE (%)	21.4	9.4	13.3	14.8
Tỷ suất cổ tức (%)	2.0	5.8	7.0	7.0

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	88.4%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VNĐ)	7.86
Sở hữu nước ngoài (%)	47.7%
Cổ đông lớn	GENCO 1 (42.00%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
QTP	-2.5	-9.7	-11.7	8.9
VNINDEX	-1.6	1.0	8.1	16.6

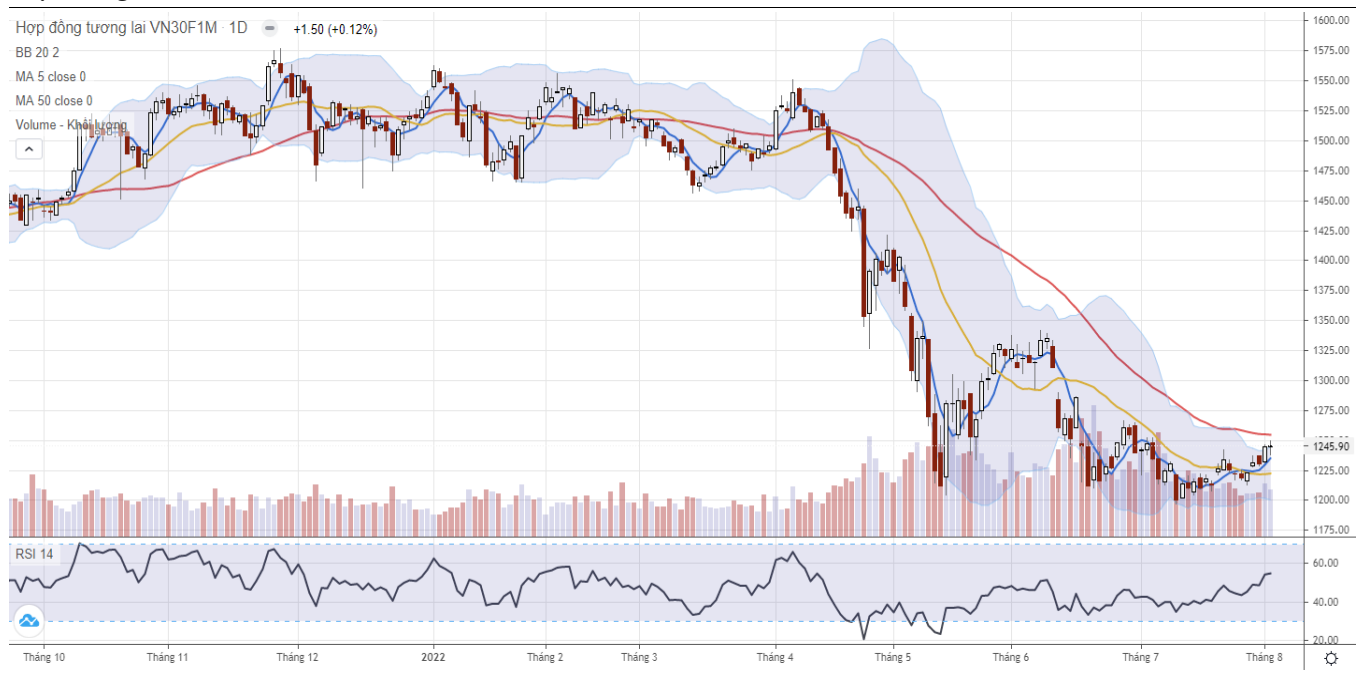


Nguồn: Bloomberg, KBSV

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



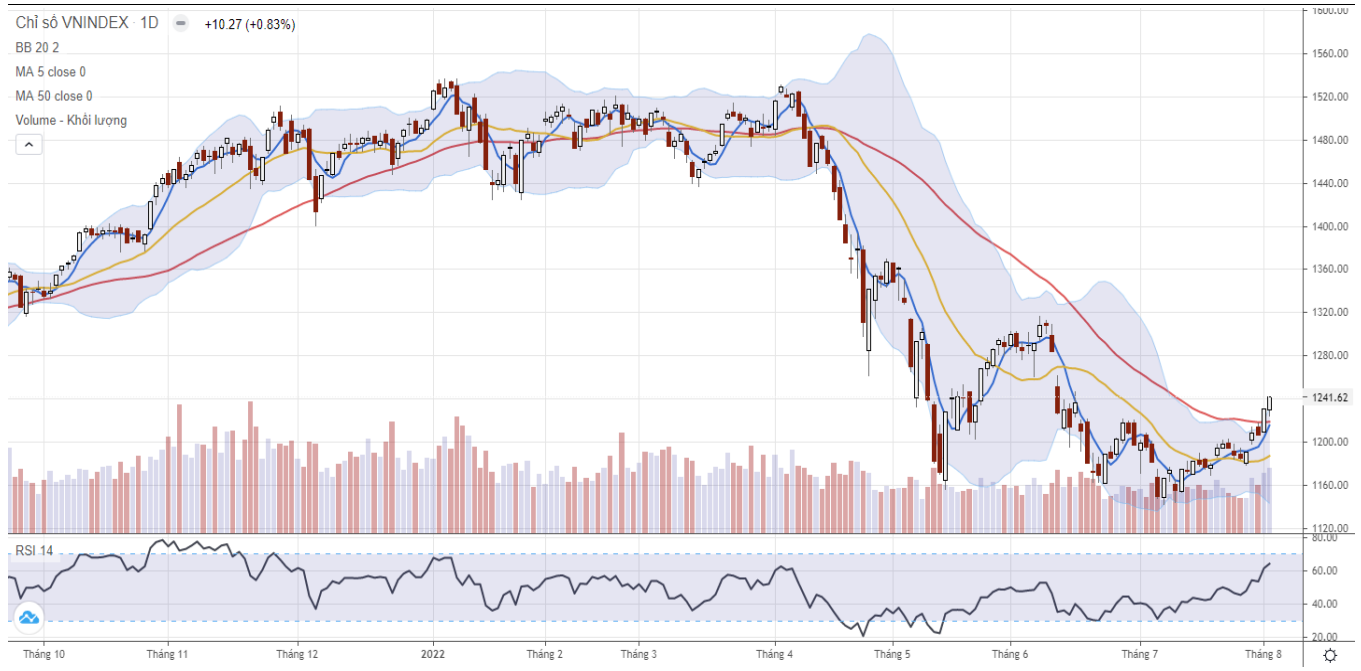
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến rung lắc trong phiên trước khi mở rộng đà tăng hưng phấn về cuối phiên.
- Đà tăng điểm tích cực của một vài cổ phiếu vốn hoá lớn đã giúp cho chỉ số chớm phá ngưỡng cản gần tại quanh 1240. Mặc dù áp lực rung lắc sẽ càng trở nên rõ nét hơn trong quá trình đi lên, VNIndex đang có nhiều cơ hội mở rộng đà tăng tích cực và hướng lên vùng đích kỳ vọng kế tiếp quanh 1260.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ các vị thế đã mở và có thể hạ dần tỷ trọng ngắn hạn khi chỉ số tiếp cận vùng cản đã đề cập.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1260 - 1265

Kháng cự gần: 1252 - 1255

Hỗ trợ gần: 1237 - 1239

Hỗ trợ xa: 1227 - 1230

- F1 trải qua một nhịp điều chỉnh giảm co trong phiên trước khi hồi phục và tăng điểm nhẹ về cuối phiên.
- Vùng hỗ trợ gần quanh 123x đã cho phản ứng và giúp cho chỉ số hình thành mẫu nến spinning trung tính. Mặc dù áp lực rung lắc sẽ càng trở nên rõ nét hơn trong quá trình đi lên, F1 đang có nhiều cơ hội mở rộng đà tăng tích cực và hướng lên vùng đích kỳ vọng kế tiếp quanh 1260.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở LONG tại các vùng hỗ trợ và mở Short tại các ngưỡng kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ các vị thế Long đã mở.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

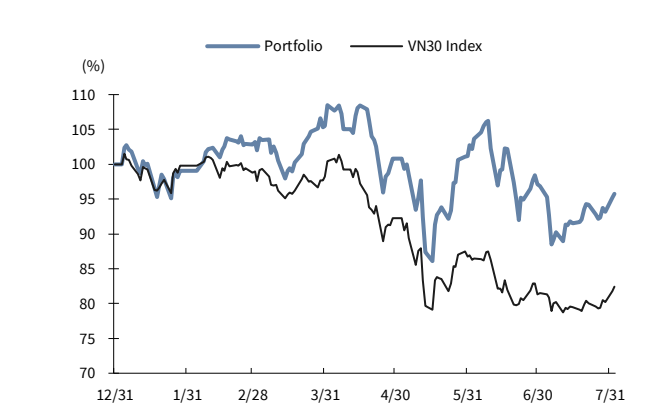
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.77%	0.59%
Tăng lũy kế (YTD)	-17.56%	-4.26%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 02/08/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	62,000	1.1%	60.5%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Binh Son Refinery (BSR)	30/06/2022	24,600	0.8%	-13.7%	- Crack spread sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao - Dự án nâng cấp nhà máy đang được xem xét lại phương án đầu tư
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	116,500	-0.4%	52.0%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	176,800	1.3%	-7.9%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	78,600	3.4%	165.9%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	85,000	1.2%	250.4%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	28,600	-0.3%	51.3%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	108,200	0.3%	47.4%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	22,900	0.4%	105.7%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	38,800	-1.9%	277.6%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SSI	1.8%	22.2%	182.2
HPG	0.4%	20.4%	104.6
VHM	4.2%	23.2%	81.8
STB	-1.0%	21.8%	77.0
CTG	-0.4%	26.6%	44.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
FUEVFNVD	0.3%	96.7%	-244.9
VNM	-0.1%	54.7%	-123.5
VHC	-2.7%	27.1%	-10.3
E1VFN30	1.0%	91.3%	-59.2
KDC	-1.4%	28.6%	-10.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
TNG	1.1%	4.0%	7.1
SHS	-1.4%	6.7%	4.3
HUT	-1.3%	1.0%	0.6
PVI	-0.4%	58.5%	0.4
THD	0.7%	1.3%	0.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	3.0%	8.9%	-0.7
NVB	-0.4%	12.1%	-0.7
CEO	1.8%	0.0%	-0.4
MCF	0.0%	5.5%	-0.3
SCI	9.5%	0.0%	-0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	9.8%	SSI, VND
Bảo hiểm	6.8%	BVH, BIC
Truyền thông	6.6%	ADG, YEG
Ngân hàng	5.7%	VCB, BID
Tài nguyên Cơ bản	5.7%	HPG, HSG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Y tế	-1.3%	IMP, TNH
Bán lẻ	-1.3%	MWG, FRT
Công nghệ thông tin	1.1%	ST8, ICT
Dầu khí	1.3%	PLX, PVD
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2.9%	PGV, VSH

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Xây dựng và Vật Liệu	15.2%	VGC, VCG
Dịch vụ tài chính	11.8%	SSI, VND
Thực phẩm và đồ uống	9.6%	SAB, MSN
Truyền thông	9.6%	ADG, YEG
Bảo hiểm	8.8%	BVH, BIC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	-4.1%	MWG, FRT
Công nghệ thông tin	1.2%	FPT, ITD
Hàng cá nhân & Gia dụng	2.4%	PNJ, NHT
Y tế	2.8%	TRA, DBD
Dầu khí	2.8%	PLX, PVD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD Mn)	GTGD (VND tỷ, USD Mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)			EPS CAGR (%)		ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)		
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	87,528 (3.7)	22.5	73.9	31.4	14.7	6.2	7.5	2.5	2.3	2.9	0.8	-8.3	-30.0	
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	146,749 (6.3)	26.6	8.6	7.3	35.9	22.5	21.9	1.8	1.5	4.2	6.5	1.8	-23.8	
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	43,682 (1.9)	17.8	29.3	19.1	-7.6	7.2	10.3	2.0	1.9	0.0	11.3	1.2	-3.7	
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	117,933 (5.0)	31.3	27.0	21.4	6.7	15.1	16.4	3.7	3.2	1.3	2.4	1.7	-16.8	
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	30,183 (1.3)	11.6	20.6	16.8	13.7	12.9	17.2	2.4	2.1	1.0	5.0	10.1	-16.1	
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	205,013 (8.8)	13.9	14.0	13.9	-	13.5	11.6	1.6	1.6	-0.2	16.7	33.2	-25.0	
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	74,213 (3.2)	6.3	13.9	11.6	11.7	21.3	21.8	2.7	2.3	2.5	6.8	6.6	0.1	
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	74,266 (3.2)	12.7	15.3	12.7	-5.3	15.5	17.2	2.0	1.7	-1.3	8.3	9.8	3.8	
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	168,479 (7.2)	0.0	6.2	5.3	14.3	20.8	19.8	1.2	1.0	-0.8	4.6	6.4	-23.4	
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	115,607 (4.9)	1.4	7.5	6.2	50.3	18.3	20.5	1.2	1.1	-0.3	7.7	6.1	-15.6	
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	264,995 (11.3)	0.0	7.0	6.7	18.8	20.3	17.0	1.3	1.1	-0.2	4.9	-0.2	-18.9	
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	191,362 (8.2)	0.0	6.5	5.3	14.6	23.8	22.8	1.3	1.1	0.8	6.2	10.3	-7.6	
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	36,176 (1.5)	4.2	6.9	5.7	23.3	22.9	22.3	1.4	1.1	0.6	5.3	1.4	-19.4	
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	388,903 (16.6)	14.0	12.5	11.3	26.5	11.6	14.9	1.2	1.1	-1.0	8.7	13.4	-20.8	
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	45,786 (2.0)	0.0	12.0	6.7	37.4	22.3	21.0	1.4	1.1	1.5	2.4	1.3	-32.6	
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	5,761 (0.2)	0.2	-	-	27.3	12.6	11.9	-	-	0.5	0.7	-6.5	-10.1		
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	68,042 (2.9)	21.0	18.4	15.1	15.8	9.0	11.9	1.9	1.7	-0.5	8.3	10.9	5.2	
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	5,224 (0.2)	14.2	13.8	11.2	9.1	13.0	15.2	1.5	1.4	0.2	1.8	-6.0	-35.3	
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	416,364 (17.8)	55.4	8.4	7.9	-3.2	19.3	16.4	1.3	1.2	1.8	14.6	17.8	-52.3	
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	171,547 (7.3)	71.9	9.3	8.9	-4.0	24.7	20.6	1.9	1.7	-0.7	13.3	20.8	-41.3	
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	184,205 (7.9)	52.4	9.4	9.1	-19.0	18.2	15.9	1.5	1.4	-1.5	5.3	23.4	-41.4	
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	433,960 (18.6)	27.2	8.9	7.6	36.3	25.7	24.3	2.1	1.7	1.7	14.0	11.6	-37.6	
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	127,881 (5.5)	42.1	17.0	15.6	4.0	28.3	29.3	4.5	4.3	-0.1	1.9	-0.4	-15.0	
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	18,932 (0.8)	36.9	28.1	23.5	7.3	20.0	21.3	5.1	4.6	2.6	12.0	22.0	24.4	
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	68,593 (2.9)	16.5	25.1	19.8	-51.9	17.6	19.4	4.0	3.4	0.5	0.0	0.5	-22.8	
HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	81,455 (3.5)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	6.7	-0.9	24.8	-47.0		
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	62,080 (2.7)	11.0	53.2	18.7	-88.5	8.9	21.6	-	-	0.3	1.9	-2.0	-0.6	
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	59,044 (2.5)	10.8	19.5	15.8	-57.0	11.8	13.3	2.2	2.0	-1.0	3.2	1.2	9.9	
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	86,780 (3.7)	38.4	7.2	35.0	65.7	14.1	2.6	1.0	1.0	-1.2	7.6	26.5	-55.7	
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	15,121 (0.6)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	6.7	8.2	10.8	-76.7	
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	177,960 (7.6)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-0.4	10.2	19.4	-41.7	
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	48,911 (2.1)	3.6	60.0	16.2	-52.4	1.1	3.4	0.5	0.5	-1.9	7.8	13.0	-44.5	
REE	REE	51,826	18,419 (800)	72,691 (3.1)	0.0	11.9	10.7	-4.5	16.0	14.2	1.7	1.7	3.4	3.0	-8.6	30.8		

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDm)	GTGD (VNDtriệu, USDm)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	73,978 (3.2)	46.1	15.0	15.2	-17.5	24.2	22.0	3.5	3.2	0.3	3.3	-4.2	12.5
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	36,048 (1.5)	31.4	12.7	11.5	-10.5	15.5	15.4	1.8	1.7	3.1	6.5	6.9	2.7
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,024 (0.0)	34.1	21.5	9.6	-5.1	5.9	12.5	-	-	0.9	1.7	0.0	-26.4
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	462,124 (19.8)	18.0	4.9	5.0	21.9	28.6	22.1	1.1	0.9	0.4	5.8	2.2	-35.8
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (286)	136,157 (5.8)	36.5	4.6	7.3	-0.5	32.3	19.2	1.3	1.2	2.3	3.2	-6.0	-7.0
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	114,501 (4.9)	46.5	5.8	8.3	-4.5	35.7	20.6	1.7	1.6	2.5	6.0	-2.2	-16.1
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	123,838 (5.3)	38.9	3.8	4.4	67.9	23.1	15.8	0.7	0.6	1.1	10.2	8.3	-51.1
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	53,782 (2.3)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	1.6	4.5	10.5	-37.4
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	21,043 (0.9)	4.6	19.1	15.6	-51.0	11.0	12.4	2.0	1.8	-1.9	0.4	1.0	-23.9
	PVD	PETROVIETNAM DRI	19,500	9,854 (428)	80,093 (3.4)	39.9	33.1	16.6	-11.9	1.9	4.1	0.7	0.7	1.7	7.2	6.0	-28.0
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	34,449 (1.5)	35.9	7.9	7.0	2.2	14.0	14.7	1.1	1.0	1.0	4.2	-3.4	-17.8
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	195,569 (8.4)	0.0	15.0	12.6	14.4	25.7	26.0	3.5	3.0	1.1	-1.6	11.8	-8.8
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	70,075 (3.0)	0.0	17.4	14.1	2.4	23.7	23.2	3.2	2.7	-0.4	4.0	-9.1	21.1
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	5,646 (0.2)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	1.4	3.5	8.0	-2.5
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	104,359 (4.5)	30.3	15.6	13.6	-75.2	30.0	27.0	4.1	3.3	-1.5	-5.3	17.9	9.1
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	30,932 (1.3)	34.6	9.4	11.1	41.2	32.7	24.6	2.7	2.5	0.6	4.6	5.6	-4.1
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	829 (0.0)	45.4	14.3	13.2	10.7	21.6	21.0	2.9	2.6	0.0	0.0	4.7	-18.6
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	121,787 (5.2)	0.0	17.8	14.6	15.5	26.8	28.3	4.5	3.8	1.2	0.2	-3.4	9.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy
Chuyên viên phân tích – Ngân hàng
huynd@kbsec.com.vn

Tiêu Phan Thanh Quang
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
quangtpt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.